

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 126/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Căn cứ Nghị định số 179/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về mức hỗ trợ đối với người làm công tác chuyên trách về chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng;

Xét Tờ trình số 7891/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; Báo cáo số 244/BC-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tiếp thu bổ sung dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2025 và được áp dụng từ năm ngân sách 2026.

2. Các văn bản, quy định được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được bãi bỏ, thay thế, sửa đổi, bổ sung trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền bãi bỏ, sửa đổi, thay thế hoặc bổ sung các văn bản, quy định tại Nghị quyết này.

3. Các Nghị quyết sau hết hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026:

a) Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 04 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng (cũ) quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách chi thường xuyên ở địa phương giai đoạn 2022-2025;

b) Nghị quyết số 195/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng (cũ) sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách chi thường xuyên ở địa phương giai đoạn 2022-2025 ban hành kèm theo Nghị Quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 04 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng;

c) Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 và giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh;

d) Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 và giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Nghị Quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận;

đ) Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Đắk Nông năm 2022;

e) Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Đắk Nông năm 2022 ban hành kèm theo Nghị Quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông;

g) Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên

ngân sách tỉnh Đắk Nông năm 2022 ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng khóa X, Kỳ họp thứ 6 (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 01 tháng 12 năm 2025. 

Nơi nhận: 

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng: Chính phủ, Quốc hội;
- Cục KTVB và QLXLVP HC - Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBND tỉnh;
- BTT UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh Khóa X;
- Các Sở, ban, ngành, tổ chức CT-XH cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Lâm Đồng;
- Trung tâm thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm LTLS tỉnh;
- Trang Thông tin điện tử cơ quan (đăng tải);
- Lưu: VT, Hồ sơ kỳ họp.

CHỦ TỊCH



Lưu Văn Trung

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách
chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 54/2025/NQ-HĐND)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách nhà nước áp dụng từ năm ngân sách 2026 và các năm tiếp theo trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại điểm g khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước năm 2025.

2. Trường hợp có phát sinh quy định của cấp có thẩm quyền mà chưa được quy định tại quy định này thì thực hiện theo các quy định của cấp có thẩm quyền.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Chính quyền địa phương các cấp (Cấp tỉnh; Xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh, sau đây gọi chung là cấp xã).
- Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
- Các đơn vị sự nghiệp công lập.
- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến lập, phân bổ, chấp hành dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương.

Chương II

NGUYÊN TẮC PHÂN BỐ NGÂN SÁCH CHI THƯỜNG XUYỀN

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ ngân sách chi thường xuyên

1. Định mức phân bổ tại Nghị quyết này là cơ sở để ngân sách tỉnh phân bổ kinh phí chi thường xuyên cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thụ hưởng ngân sách cấp tỉnh và phân bổ kinh phí chi thường xuyên cho chính quyền địa phương các cấp trong tỉnh.

Cấp xã căn cứ vào mức phân bổ của ngân sách cấp tỉnh, tình hình thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc và chế độ, định mức chi tiêu hiện hành để phân bổ kinh phí chi thường xuyên cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên cơ sở đảm bảo thực hiện nhiệm vụ chính trị được cấp có thẩm quyền giao, có thể cao hơn hoặc thấp hơn định mức phân bổ tại Nghị quyết này.

2. Định mức phân bổ chi thường xuyên bao gồm:

a) Định mức phân bổ đã bao gồm toàn bộ nhu cầu kinh phí đảm bảo chi hoạt động thường xuyên của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

b) Các khoản chi hành chính phục vụ hoạt động thường xuyên bộ máy các cơ quan: Khen thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể; thông tin, tuyên truyền, liên lạc; công tác phí, hội nghị, tổng kết; vật tư văn phòng, thanh toán dịch vụ công cộng; chi thuê mướn; chi ứng dụng công nghệ thông tin; vận hành trụ sở cơ quan; chi hỗ trợ hoạt động công tác Đảng, đoàn thể trong cơ quan (bao gồm phụ cấp cấp ủy, an ninh quốc phòng, dân quân tự vệ, phòng cháy chữa cháy,...).

c) Các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hàng năm của đơn vị: Chi nghiệp vụ chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực; chi tập huấn, tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật (không bao gồm nhiệm vụ tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật của Hội đồng phổ biến giáo dục pháp luật của tỉnh Lâm Đồng); hoạt động rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật thuộc ngành, lĩnh vực quản lý; chi hoạt động kiểm tra, giám sát; chi đào tạo, chi tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn; duy trì, vận hành trang thông tin điện tử, công tác văn thư lưu trữ, cải cách thủ tục hành chính, hoạt động ISO.

d) Kinh phí duy tu, bảo trì, sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn; kinh phí mua sắm, thay thế trang thiết bị phương tiện làm việc của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến phục vụ công tác hành chính, văn thư, tiếp dân, bộ phận một cửa của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

3. Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập, trong quá trình phân bổ dự toán chi thường xuyên, ngoài việc căn cứ vào định mức chi quy định tại Quy định này còn phải căn cứ vào các nguồn thu và cơ chế tài chính được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

4. Chỉ tiêu dân số làm cơ sở để phân bổ ngân sách là dân số của các địa phương theo số liệu của Thống kê tỉnh. Đối với cấp xã, địa phương có dân số dưới 20.000 người thì được tính theo dân số 20.000 người.

Chương III

TIÊU CHÍ PHÂN BỐ NGÂN SÁCH CHI THƯỜNG XUYỀN

Điều 4. Tiêu chí phân bổ ngân sách chi thường xuyên

1. Sự nghiệp giáo dục: Phân bổ theo quỹ lương và tình hình thực tế tại địa phương.

2. Sự nghiệp kinh tế; sự nghiệp môi trường; sự nghiệp khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; chi khác ngân sách: Phân bổ theo tỷ trọng trên

tổng chi thường xuyên của các cấp ngân sách (không bao gồm kinh phí chi đảm bảo các chế độ an sinh xã hội).

3. Sự nghiệp y tế (hệ dự phòng), sự nghiệp văn hóa thông tin, sự nghiệp phát thanh - truyền hình, sự nghiệp thể dục thể thao, chi đảm bảo xã hội và chi an ninh - quốc phòng:

- Cấp tỉnh: Phân bổ theo quy mô dân số toàn tỉnh;
- Cấp xã: Phân bổ theo quy mô dân số của từng xã, phường, đặc khu.

4. Trên cơ sở số kinh phí được phân bổ đối với sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp môi trường, sự nghiệp khoa học và công nghệ, sự nghiệp văn hóa thông tin, sự nghiệp phát thanh - truyền hình, sự nghiệp thể dục thể thao, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định phân bổ dự toán cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các sự nghiệp này như sau:

a) Phân bổ quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp trên cơ sở số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao và phân bổ kinh phí nâng bậc lương hàng năm bằng 3% tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp.

b) Phân bổ hoạt động thường xuyên bằng định mức chi hoạt động thường xuyên của khối quản lý nhà nước.

Chương IV

ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ NGÂN SÁCH CHI THƯỜNG XUYỀN CHO CÁC SỞ, BAN, NGÀNH, ĐƠN VỊ DỰ TOÁN CẤP TỈNH

Điều 5. Định mức phân bổ chi quản lý nhà nước (bao gồm: cơ quan hành chính Nhà nước; cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tổ chức chính trị - xã hội):

1. Định mức phân bổ hoạt động thường xuyên

a) Phân bổ quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp xác định trên cơ sở số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao cho từng cơ quan, tổ chức và phân bổ kinh phí nâng bậc lương hàng năm bằng 3% trên quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương.

b) Phân bổ hoạt động thường xuyên

- 10 biên chế, người làm việc đầu: 40 triệu đồng/biên chế/năm;
- 10 biên chế, người làm việc tiếp theo: 36 triệu đồng/biên chế/năm;
- Biên chế, người làm việc còn lại: 32 triệu đồng/biên chế/năm.

2. Phân bổ kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và kinh phí hoạt động của

Ủy ban nhân dân tỉnh theo chế độ quy định hiện hành và khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

3. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đặc thù

a) Phân bổ kinh phí đặc thù của Đảng theo phê duyệt của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

b) Phân bổ kinh phí chi đặc thù đối với các cơ quan tổng hợp và các tổ chức chính trị - xã hội bằng 20% định mức chi thường xuyên khác của từng cơ quan, tổ chức, gồm: Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân; Văn phòng Ủy ban nhân dân; Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

4. Định mức kinh phí hỗ trợ hợp đồng công việc hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ cho các cơ quan, đơn vị và nằm ngoài quỹ lương của cơ quan, đơn vị theo mức 120 triệu đồng/hợp đồng/năm.

5. Phân bổ kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ đặc thù do Trung ương và địa phương ban hành và các nhiệm vụ phát sinh đột xuất, cấp bách khác được cơ quan, cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6. Phân bổ kinh phí chi hoạt động đoàn ra, đoàn vào theo kế hoạch, chương trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

7. Phân bổ kinh phí may sắm trang phục của ngành, lĩnh vực theo quy định; kinh phí mua sắm xe ô tô, trang thiết bị chuyên dùng phục vụ cho các hoạt động đặc thù của các cơ quan, tổ chức.

8. Chi đảm bảo công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; công tác theo dõi, thi hành pháp luật; hoạt động kiểm tra, tổng hợp việc rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật tham mưu cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định pháp luật và hoàn thiện pháp luật.

Điều 6. Định mức phân bổ chi hỗ trợ hoạt động của các Hội đặc thù được Đảng và nhà nước giao nhiệm vụ

Ngân sách hỗ trợ đối với hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở địa phương, bao gồm:

1. Chi lương, phụ cấp và chế độ, chính sách khác theo quy định đối với người trong độ tuổi lao động được phân công, điều động đến làm việc tại hội theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền và người được tuyển dụng trong chỉ tiêu biên chế của hội.

2. Chi thực hiện hoạt động thường xuyên tính theo định mức phân bổ chi quản lý hành chính cấp tỉnh theo số biên chế được giao.

3. Chế độ thù lao cho những người đã nghỉ hưu giữ chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch chuyên trách của hội.

4. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ quy định về tổ chức hoạt động và quản lý hội.

5. Hàng năm, Hội lập dự toán kinh phí ngân sách địa phương hỗ trợ theo khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước gửi Sở Tài chính để thẩm định, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 7. Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục

1. Định mức phân bổ hoạt động thường xuyên

a) Phân bổ quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp của các cơ sở giáo dục công lập trên cơ sở số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao và phân bổ kinh phí nâng bậc lương hàng năm bằng 3% trên quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp;

b) Phân bổ chi thường xuyên bằng 15% định mức phân bổ nêu tại điểm a khoản này.

Tỷ lệ phân bổ chi thực hiện nhiệm vụ chi khác nêu trên được tính theo tiền lương cơ sở 2.340.000 đồng/tháng. Trường hợp, điều chỉnh tăng mức lương cơ sở thì không điều chỉnh chi phục vụ nhiệm vụ giảng dạy và học tập tăng theo tỷ lệ tương ứng, việc điều chỉnh mức chi được thực hiện căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương và trong phạm vi dự toán được giao.

2. Định mức phân bổ quy định tại khoản 1 Điều này để xây dựng dự toán chi thường xuyên; ngân sách hỗ trợ kinh phí hàng năm theo quyết định giao tự chủ tài chính của giai đoạn được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo nguyên tắc giảm dần hỗ trợ từ ngân sách.

3. Phân bổ kinh phí đặc thù đối với giáo viên, học sinh trường chuyên, trường chuyên biệt theo quy định; kinh phí thực hiện các chế độ do địa phương quy định.

4. Phân bổ chi sự nghiệp ngành giáo dục để đảm bảo chi cho các hoạt động đặc thù của ngành, như: hoạt động chuyên môn các ngành học, bậc học; tổ chức dạy học 02 buổi/ngày và tổ chức sinh hoạt hè cho học sinh theo Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 06/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ; hội thi văn nghệ, các giải thể dục thể thao cấp tỉnh, toàn quốc; mua sắm trang thiết bị dạy học cho trường chuẩn và duy trì trường chuẩn quốc gia; mua sắm, sửa chữa lớn của ngành; hỗ trợ kinh phí đào tạo cho sinh viên Lào và Campuchia... theo khả năng cân đối của ngân sách.

5. Định mức kinh phí hỗ trợ hợp đồng công việc hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ cho các cơ sở giáo dục công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi hoạt động thường xuyên và nằm ngoài quỹ lương của cơ quan, đơn vị:

a) Hợp đồng lao động làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Hợp đồng thực hiện công việc thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ hoạt động thường xuyên của cơ quan đơn vị do lãnh đạo cơ quan quyết định theo mức 72 triệu đồng/hợp đồng/năm.

6. Hỗ trợ các trường công lập trên địa bàn đặc khu 300.000.000 đồng/trường/năm để phục vụ công tác duy tu, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên cơ sở vật chất...

7. Phân bổ kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội trong lĩnh vực giáo dục theo quy định của cấp có thẩm quyền.

Điều 8. Định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề

1. Định mức phân bổ hoạt động thường xuyên đối với các trường cao đẳng

a) Phân bổ quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp trên cơ sở số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao và phân bổ kinh phí nâng bậc lương hàng năm bằng 3% trên quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương.

b) Phân bổ chi thường xuyên theo số học sinh, sinh viên (bao gồm: chi quản lý, chi phí điện nước, vệ sinh, dụng cụ, vật tư tiêu hao phục vụ giảng dạy - học tập):

- Hệ cao đẳng: 07 triệu đồng/sinh viên/năm;

- Hệ trung cấp: 05 triệu đồng/sinh viên/năm.

c) Định mức phân bổ tại điểm a và b khoản này làm cơ sở để xây dựng dự toán chi thường xuyên; ngân sách nhà nước sẽ giảm dần mức chi hỗ trợ kinh phí đối với các đơn vị sự nghiệp công theo quyết định giao quyền tự chủ về tài chính của giai đoạn được cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Đối với Trường Chính trị:

a) Định mức phân bổ hoạt động thường xuyên như đối với định mức phân bổ chi quản lý hành chính cấp tỉnh; ngân sách nhà nước sẽ giảm dần mức chi hỗ trợ kinh phí đối với các đơn vị sự nghiệp công theo quyết định giao quyền tự chủ về tài chính của giai đoạn được cấp có thẩm quyền quyết định.

b) Phân bổ định mức chi trực tiếp phục vụ các lớp đào tạo, bồi dưỡng của cơ sở đào tạo (chi cho giảng viên, báo cáo viên; chi khai giảng, bế giảng; thuê phương tiện đưa học viên đi thực tế; chi phí điện, nước và các chi phí khác có liên quan đến tổ chức lớp học...):

- Đào tạo trung cấp: 1.000.000 đồng/suất đào tạo;

- Bồi dưỡng công chức ngạch chuyên viên, chuyên viên chính: 500.000 đồng/suất bồi dưỡng;

- Các lớp bồi dưỡng ngắn hạn (dưới 03 tháng): 150.000 đồng/suất đào tạo.

c) Phân bổ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động theo kế hoạch, chương trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Trường hợp không mở lớp hoặc tuyển sinh không đủ chỉ tiêu theo kế hoạch được giao thì sẽ thực hiện việc điều chỉnh, thu hồi kinh phí đã phân bổ tương ứng với chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng không thực hiện

3. Phân bổ kinh phí chi đào tạo, bồi dưỡng theo chương trình, kế hoạch, đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; kinh phí thực hiện Trường Chính trị chuẩn Nghị quyết số 11-QĐ/TW ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư Trung ương và theo khả năng cân đối của ngân sách.

Điều 9. Định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế

1. Đối với hệ điều trị

a) Đối với các Bệnh viện

- Phân bổ quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương của số biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao và theo quy định hiện hành; trong đó, kinh phí nâng bậc lương hàng năm bằng 3% trên quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương;

- Phân bổ hoạt động thường xuyên theo chỉ tiêu giường bệnh: 25 triệu đồng/giường bệnh.

b) Đối với Y tế khu vực

- Phân bổ quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương của số biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao và theo quy định hiện hành; trong đó, kinh phí nâng bậc lương hàng năm bằng 3% trên quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương;

- Phân bổ hoạt động thường xuyên theo chỉ tiêu giường bệnh: 27 triệu đồng/giường bệnh. Riêng đối với các Trung tâm Y tế khu vực không có giường bệnh điều trị nội trú, phân bổ hoạt động thường xuyên theo định mức như đối với cơ quan hành chính cấp tỉnh.

c) Định mức phân bổ nêu tại điểm a và b khoản này làm cơ sở để xây dựng dự toán chi thường xuyên; ngân sách nhà nước sẽ giảm mức chi hỗ trợ kinh phí đối với các cơ sở y tế công lập khi các khoản chi phí được kết cấu vào giá dịch vụ khám, chữa bệnh theo lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ khám, chữa bệnh và quyết định giao quyền tự chủ về tài chính của giai đoạn được cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Đối với hệ dự phòng, dân số

a) Tuyển tỉnh:

- Định mức phân bổ hoạt động thường xuyên như đối với định mức phân bổ chi quản lý hành chính cấp tỉnh;

- Hoạt động dự phòng, dân số: Phân bổ theo quy mô dân số toàn tỉnh với mức 28.000 đồng/người dân/năm.

b) Y tế khu vực

- Định mức phân bổ hoạt động thường xuyên như đối với định mức phân bổ chi quản lý hành chính cấp tỉnh.

- Hoạt động dự phòng, dân số phân bổ theo quy mô dân số của từng khu vực:

+ Dân số đến 30.000 người: 44.000 đồng/người dân/năm;

+ Dân số từ 30.001 đến 90.000 người: 11.000 đồng/người dân tăng thêm/năm;

+ Dân số trên 90.000 người: 3.000 đồng/người dân tăng thêm/năm.

Sở Y tế căn cứ định mức được phân bổ, quy mô, tính chất và thực tế hoạt động của từng cơ sở y tế trực thuộc để phân bổ kinh phí cho phù hợp.

3. Đối với các đơn vị thực hiện 02 chức năng khám chữa bệnh và công tác dự phòng, dân số: Định mức phân bổ như đối với hệ điều trị và hệ dự phòng được nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Phân bổ kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đặc thù; chính sách an sinh xã hội trong lĩnh vực y tế theo quy định của cấp có thẩm quyền.

5. Phân bổ kinh phí mua sắm, sửa chữa lớn theo khả năng cân đối của ngân sách địa phương nhưng không quá 5% tổng chi cho hệ điều trị; dự phòng, dân số. Sở Y tế căn cứ quy mô, tính chất đặc điểm hoạt động của từng đơn vị để phân bổ cho phù hợp.

Điều 10. Định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hóa thông tin

1. Định mức phân bổ hoạt động thường xuyên như đối với định mức phân bổ chi quản lý hành chính cấp tỉnh; ngân sách nhà nước sẽ giảm dần mức chi hỗ trợ kinh phí đối với các đơn vị sự nghiệp công theo quyết định giao quyền tự chủ về tài chính của giai đoạn được cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Định mức chi hoạt động sự nghiệp văn hóa thông tin cấp tỉnh là 31.000 đồng/người dân/năm; trong đó, đã bao gồm kinh phí chi cho sự nghiệp gia đình, hoạt động du lịch, hỗ trợ đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp và đội thông tin lưu động; hoạt động thông tin, báo chí và xuất bản...; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch căn cứ định mức phân bổ, quy mô, tính chất và thực tế hoạt động của từng đơn vị để phân bổ cho phù hợp.

Điều 11. Định mức phân bổ chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình

1. Định mức phân bổ hoạt động thường xuyên như đối với định mức phân bổ chi quản lý hành chính cấp tỉnh; ngân sách nhà nước sẽ giảm dần mức chi hỗ trợ kinh phí đối với các đơn vị sự nghiệp công theo quyết định giao quyền tự chủ về tài chính của giai đoạn được cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Định mức phân bổ chi hoạt động sự nghiệp phát thanh, truyền hình tính trên dân số toàn tỉnh: 14.400 đồng/người dân/năm; trong đó, đã bao gồm kinh phí hỗ trợ các trạm phát lại; phát sóng kênh truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của địa phương.

3. Phân bổ kinh phí thực hiện chế độ nhuận bút, in ấn và các chế độ, chính sách khác theo quy định hiện hành.

4. Bố trí kinh phí thuê bao vệ tinh phát sóng độ nét cao đối với kênh truyền hình Lâm Đồng.

Điều 12. Định mức phân bổ chi sự nghiệp thể dục thể thao

1. Định mức phân bổ hoạt động thường xuyên như đối với định mức phân bổ chi quản lý hành chính cấp tỉnh; ngân sách nhà nước sẽ giảm dần mức chi hỗ trợ kinh phí đối với các đơn vị sự nghiệp công theo quyết định giao quyền tự chủ về tài chính của giai đoạn được cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Định mức phân bổ chi hoạt động sự nghiệp thể dục, thể thao tính trên dân số toàn tỉnh: 12.000 đồng/người dân/năm.

3. Phân bổ kinh phí tập luyện cho đội tuyển bóng đá của tỉnh và tham gia các giải bóng đá quốc gia do Liên đoàn bóng đá Việt Nam tổ chức theo khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

4. Phân bổ kinh phí thực hiện một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao được tập trung tập huấn và thi đấu theo mức phân bổ của ngân sách trung ương; kinh phí chi khen thưởng vận động viên đạt thành tích tại các giải thi đấu theo quy định hiện hành.

Điều 13. Định mức phân bổ chi sự nghiệp đảm bảo xã hội

1. Định mức kinh phí đảm bảo hoạt động thường xuyên phân bổ như chi quản lý hành chính cấp tỉnh; ngân sách nhà nước sẽ giảm dần mức chi hỗ trợ kinh phí đối với các đơn vị sự nghiệp công theo quyết định giao quyền tự chủ về tài chính của giai đoạn được cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Hằng năm, căn cứ chế độ quy định và chủ trương của cấp có thẩm quyền, bố trí kinh phí thực hiện các hoạt động đảm bảo xã hội theo khả năng cân đối của ngân sách tỉnh cho các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh.

3. Phân bổ kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội trong lĩnh vực đảm bảo xã hội theo quy định của cấp có thẩm quyền.

Điều 14. Định mức phân bổ chi sự nghiệp an ninh

1. Định mức phân bổ tính theo dân số toàn tỉnh để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ an ninh của địa phương theo quy định hiện hành: 8.200 đồng/người dân/năm.

2. Ngân sách hỗ trợ kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ đặc thù, nhiệm vụ phát sinh đột xuất tại địa phương theo khả năng cân đối của ngân sách địa phương và quy định của pháp luật.

Điều 15. Định mức phân bổ chi sự nghiệp quốc phòng

1. Định mức phân bổ theo dân số toàn tỉnh để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng của địa phương theo quy định hiện hành: 19.400 đồng/người dân/năm.

2. Phân bổ kinh phí thực hiện Đề án “*tổ chức xây dựng lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho Dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2026-2030*” theo Nghị quyết số 39/NQ-HDND ngày 27/10/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

3. Phân bổ kinh phí tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ; diễn tập phòng thủ dân sự theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Hỗ trợ kinh phí hoạt động của Ban chỉ huy Bộ đội biên phòng theo quy định hiện hành và khả năng cân đối của ngân sách tỉnh.

5. Hỗ trợ kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ quốc phòng tại địa phương theo khả năng cân đối của ngân sách.

Điều 16. Định mức phân bổ chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

1. Phân bổ chi thường xuyên như đối với khối quản lý hành chính; ngân sách nhà nước sẽ giảm dần mức chi hỗ trợ kinh phí đối với các đơn vị sự nghiệp công theo quyết định giao quyền tự chủ về tài chính của giai đoạn được cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Phân bổ kinh phí thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, ứng dụng khoa học và công nghệ, các hoạt động sự nghiệp khoa học, công nghệ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3. Phân bổ kinh phí thực hiện chế độ, chính sách cho người làm công tác chuyên trách về chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng theo quy định tại Nghị định số 179/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ.

4. Phân bổ kinh phí phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.

Điều 17. Định mức phân bổ chi sự nghiệp kinh tế

1. Định mức phân bổ hoạt động thường xuyên như đối với định mức phân bổ chi quản lý hành chính cấp tỉnh; ngân sách nhà nước sẽ giảm dần mức chi hỗ

trợ kinh phí đối với các đơn vị sự nghiệp công theo quyết định giao quyền tự chủ về tài chính của giai đoạn được cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Phân bổ kinh phí đảm bảo chi cho các hoạt động kinh tế theo khả năng cân đối của ngân sách tỉnh để thực hiện các nhiệm vụ:

a) Duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình giao thông; thiết lập và quản lý hệ thống báo hiệu đường bộ, đường thủy nội địa; đảm bảo an toàn giao thông trên các tuyến đường.

b) Duy tu, bảo dưỡng thường xuyên các công trình thủy lợi, trạm trại nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, phát triển nông thôn, bảo vệ thực vật, thú y; khoanh nuôi, bảo vệ, phòng chống cháy rừng và bảo vệ nguồn lợi thủy sản; hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

c) Phòng, chống thiên tai, dịch bệnh trên động vật và thực vật.

d) Hoạt động sự nghiệp quản lý đất đai và quản lý tài nguyên khoáng sản; Hoạt động khuyến công, xúc tiến thương mại, du lịch, đầu tư... Vốn đối ứng thực hiện các chương trình, dự án, đề án được cơ quan, cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Điều 18. Định mức phân bổ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường

1. Định mức phân bổ hoạt động thường xuyên như đối với định mức phân bổ chi quản lý hành chính cấp tỉnh; ngân sách nhà nước sẽ giảm dần mức chi hỗ trợ kinh phí đối với các đơn vị sự nghiệp công theo quyết định giao quyền tự chủ về tài chính của giai đoạn được cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Phân bổ kinh phí đảm bảo chi cho các hoạt động bảo vệ môi trường theo các chương trình, đề án, dự án... được cơ quan, cấp có thẩm quyền phê duyệt; kinh phí xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

Chương V

ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ NGÂN SÁCH CHI THƯỜNG XUYỀN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CHO CÁC XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU

Điều 19. Định mức phân bổ chi quản lý nhà nước

1. Phân bổ quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp xác định trên cơ sở số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao cho từng cơ quan, tổ chức và phân bổ kinh phí nâng bậc lương hàng năm bằng 3% trên quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương.

2. Chi hoạt động thường xuyên: định mức 34 triệu đồng/biên chế/năm đối với xã, phường; định mức 36 triệu đồng/biên chế/năm đối với các xã biên giới và định mức 40 triệu đồng/biên chế/năm đối với Đặc khu Phú Quý.

3. Phân bổ kinh phí để thực hiện hoạt động chung của Đảng ủy cấp xã; phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân cấp xã; phục vụ một số hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và các đoàn thể, tổ chức xã hội, nghề nghiệp: 2.000.000.000 đồng/địa phương/năm.

4. Định mức kinh phí hỗ trợ hợp đồng công việc hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ cho các cơ quan, đơn vị và nằm ngoài quỹ lương của cơ quan, đơn vị theo mức 120 triệu đồng/hợp đồng/năm.

5. Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

- Hoạt động của Hội đồng nhân dân xã, Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã, đại biểu Hội đồng nhân dân xã.

- Kinh phí hỗ trợ tổ chức đại hội các đoàn thể cấp xã theo kế hoạch, chương trình của cấp có thẩm quyền.

- Chế độ phụ cấp trách nhiệm đối với cấp ủy viên các cấp theo Quy định số 169-QĐ/TW ngày 24/6/2008 của Ban Bí thư.

- Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, khu phố.

- Các nhiệm vụ chi khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền và khả năng cân đối của ngân sách.

6. Ngân sách hỗ trợ đối với Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở địa phương, bao gồm:

- Chi lương, phụ cấp và chế độ, chính sách khác theo quy định đối với người trong độ tuổi lao động được phân công, điều động đến làm việc tại hội theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền và người được tuyển dụng trong chỉ tiêu biên chế của hội.

- Chi thực hiện hoạt động thường xuyên tính theo định mức phân bổ chi quản lý hành chính cấp tỉnh theo số biên chế được giao.

- Chế độ thù lao cho những người đã nghỉ hưu giữ chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch chuyên trách của Hội.

- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ quy định về tổ chức hoạt động và quản lý Hội.

- Hàng năm, Hội lập dự toán kinh phí ngân sách địa phương hỗ trợ theo khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước gửi Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thẩm

định, tổng hợp kinh phí hỗ trợ từ dự toán chi thường xuyên nguồn ngân sách nhà nước, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 20. Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục

1. Định mức phân bổ hoạt động thường xuyên

a) Phân bổ quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp của hệ giáo dục công lập trên cơ sở số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao và phân bổ kinh phí nâng bậc lương hàng năm bằng 3% trên quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp;

b) Phân bổ chi hoạt động thường xuyên bằng 15% định mức phân bổ nêu tại điểm a khoản này. Các xã, phường, đặc khu căn cứ quy mô trường, lớp và thực tế hoạt động của các cơ sở giáo dục trực thuộc để phân bổ chi khác cho phù hợp với thực tế hoạt động của từng cơ sở giáo dục và đảm bảo không thấp hơn 13% tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp. Định mức phân bổ này đã bao gồm:

- Tính đủ cho các cấp giáo dục, các loại hình giáo dục thuộc ngân sách cấp xã phải đảm bảo theo phân cấp và chính sách ưu tiên đối với lĩnh vực giáo dục đã ban hành.

- Kinh phí tổ chức các hoạt động chung và nhiệm vụ phát sinh đặc thù của ngành.

Tỷ lệ phân bổ chi thực hiện nhiệm vụ chi khác nêu trên được tính theo tiền lương cơ sở 2.340.000 đồng/tháng. Trường hợp điều chỉnh tăng mức lương cơ sở thì không điều chỉnh chi phục vụ nhiệm vụ giảng dạy và học tập tăng theo tỷ lệ tương ứng, việc điều chỉnh tăng được thực hiện trên cơ sở chế độ quy định và khả năng ngân sách.

2. Định mức kinh phí hỗ trợ hợp đồng công việc hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ cho các cơ sở giáo dục công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi hoạt động thường xuyên và nằm ngoài quỹ lương của cơ quan, đơn vị:

a) Hợp đồng lao động làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Hợp đồng thực hiện công việc thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ hoạt động thường xuyên của cơ quan đơn vị do lãnh đạo cơ quan quyết định theo mức 72 triệu đồng/hợp đồng/năm.

3. Hỗ trợ các trường do cấp xã quản lý trên địa bàn đặc khu 300.000.000 đồng/trường/năm để phục vụ công tác duy tu, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên cơ sở vật chất...

4. Phân bổ kinh phí thực hiện các chế độ do địa phương quy định; kinh phí mua sắm, sửa chữa lớn các cơ sở giáo dục; nâng cấp cơ sở vật chất các cơ sở giáo dục theo khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

5. Kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội trong lĩnh vực giáo dục theo quy định của cấp có thẩm quyền.

Điều 21. Định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo

1. Phân bổ quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp của hệ giáo dục công lập trên cơ sở số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao và phân bổ kinh phí nâng bậc lương hàng năm bằng 3% tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp.

2. Phân bổ chi khác đối với Trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp xã bằng 100% định mức chi của khối quản lý hành chính.

Định mức nêu trên để xây dựng dự toán chi thường xuyên; ngân sách nhà nước sẽ giảm dần mức chi hỗ trợ kinh phí đối với các đơn vị sự nghiệp công theo quyết định giao quyền tự chủ về tài chính của giai đoạn được cấp có thẩm quyền quyết định.

Trường hợp Trung tâm chính trị cấp xã được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ mở các lớp bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức thì được hỗ trợ 300.000.000 đồng/năm.

Điều 22. Định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế

1. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số và theo nhóm xã:

- Dân số đến 20.000 người: 12.000 đồng/người dân/năm;
- Dân số từ 20.001 đến 40.000 người: 6.000 đồng/người dân tăng thêm/năm;
- Dân số trên 40.000 người: 3.000 đồng/người dân tăng thêm/năm.

Định mức này đã bao gồm các nhiệm vụ chi hỗ trợ hoạt động của trạm y tế cấp xã, chi cho công tác tuyên truyền, phòng, chống dịch bệnh, chi khám, chữa bệnh ban đầu...

2. Định mức phân bổ Trạm Y tế:

Định mức phân bổ hoạt động thường xuyên như đối với định mức phân bổ chi quản lý hành chính cấp xã; ngân sách nhà nước sẽ giảm dần mức chi hỗ trợ kinh phí đối với các đơn vị sự nghiệp công theo quyết định giao quyền tự chủ về tài chính của giai đoạn được cấp có thẩm quyền quyết định.

3. Phân bổ kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đặc thù; chính sách an sinh xã hội trong lĩnh vực y tế theo quy định của cấp có thẩm quyền.

Điều 23. Định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hóa thông tin

1. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số và theo nhóm xã:

- Dân số đến 20.000 người: 24.000 đồng/người dân/năm;
- Dân số từ 20.001 đến 40.000 người: 12.000 đồng/người dân tăng thêm/năm;
- Dân số trên 40.000 người: 6.000 đồng/người dân tăng thêm/năm.

2. Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

Kinh phí thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; hỗ trợ công tác vận động toàn dân đoàn kết xây dựng khu, cụm dân cư văn hóa và chi sự nghiệp văn hóa thông tin khác do cấp xã quản lý, chi thực hiện hương ước, quy ước, cộng đồng dân cư.

3. Bổ sung kinh phí thực hiện các chương trình, kế hoạch do Trung ương, cấp tỉnh ban hành.

Điều 24. Định mức phân bổ chi sự nghiệp phát thanh

Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

- Dân số đến 20.000 người: 16.000 đồng/người dân/năm;
- Dân số từ 20.001 đến 40.000 người: 8.000 đồng/người dân tăng thêm/năm;
- Dân số trên 40.000 người: 4.000 đồng/người dân tăng thêm/năm.

Định mức này đã bao gồm các nhiệm vụ duy trì, duy tu, sửa chữa cụm loa tại thôn, tổ dân phố; kinh phí hoạt động của trạm phát thanh không dây, trạm phát thanh, trạm tiếp sóng truyền hình.

Điều 25. Định mức phân bổ chi sự nghiệp thể dục thể thao

1. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

- Dân số đến 20.000 người: 16.000 đồng/người dân/năm;
- Dân số từ 20.001 đến 40.000 người: 8.000 đồng/người dân tăng thêm/năm;
- Dân số trên 40.000 người: 4.000 đồng/người dân tăng thêm/năm.

2. Hằng năm, bổ sung kinh phí thực hiện các chương trình, kế hoạch do Trung ương, cấp tỉnh ban hành.

Điều 26. Định mức phân bổ chi sự nghiệp đảm bảo xã hội

1. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

- Dân số đến 20.000 người: 50.000 đồng/người dân/năm;

- Dân số từ 20.001 đến 40.000 người: 30.000 đồng/người dân tăng thêm/năm;

- Dân số trên 40.000 người: 15.000 đồng/người dân tăng thêm/năm.

Định mức này đã bao gồm các nhiệm vụ chỉ cứu tế xã hội, phòng, chống tệ nạn xã hội và các hoạt động xã hội khác do cấp xã quản lý; Chi thăm hỏi gia đình chính sách, các hoạt động tình nghĩa nhân các ngày truyền thống, lễ, tết.

2. Hằng năm, bố trí kinh phí để thực hiện các chế độ, chính sách an sinh xã hội trong lĩnh vực bảo đảm xã hội theo đúng quy định của pháp luật và phân cấp ngân sách.

Điều 27. Định mức phân bổ chi an ninh

1. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

- Dân số đến 20.000 người: 24.000 đồng/người dân/năm;

- Dân số từ 20.001 đến 40.000 người: 12.000 đồng/người dân tăng thêm/năm;

- Dân số trên 40.000 người: 6.000 đồng/người dân tăng thêm/năm.

Định mức này đã bao gồm các nhiệm vụ chỉ đảm bảo trật tự, an toàn xã hội; Chi triển khai nhiệm vụ, sơ kết, tổng kết, khen thưởng trong phong trào quần chúng bảo vệ an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn cấp xã; Chi tuyên truyền, vận động và tổ chức phong trào quần chúng bảo vệ an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn cấp xã, kinh phí thực hiện công tác phòng, chống cháy nổ.

2. Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

- Phân bổ kinh phí phục vụ công tác giữ gìn an ninh, trật tự ở cơ sở; và các hoạt động khác về an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

- Phân bổ 80.000.000 đồng/xã biên giới/năm cho các xã biên giới, phân bổ 50.000.000 đồng cho Đặc khu Phú Quý.

Điều 28. Định mức phân bổ chi quốc phòng

1. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

- Dân số đến 20.000 người: 28.000 đồng/người dân/năm;

- Dân số từ 20.001 đến 40.000 người: 14.000 đồng/người dân tăng thêm/năm;

- Dân số trên 40.000 người: 7.000 đồng/người dân tăng thêm/năm.

Định mức này đã bao gồm chi thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo trị an, khu vực phòng thủ cấp xã; diễn tập, hội thi, hội thao, tổ chức hội nghị tập huấn, kỷ niệm ngày truyền thống dân quân tự vệ, kinh phí tổ chức hội trại tòng quân và các hoạt động quân sự khác do cấp xã tổ chức.

2. Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

- Phân bổ kinh phí thực hiện Luật Dân quân tự vệ.
- Phân bổ kinh phí diễn tập khu vực phòng thủ theo kế hoạch.
- Phân bổ 200.000.000 đồng/xã biên giới/năm cho các xã biên giới, phân bổ 80.000.000 đồng cho Đặc khu Phú Quý.

Điều 29. Định mức phân bổ chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Phân bổ bằng mức 1% trên tổng chi thường xuyên từ Điều 19 đến Điều 28 của Quy định này (không bao gồm các khoản thực hiện các chính sách an sinh xã hội) để thực hiện các nhiệm vụ chi theo phân cấp.

Điều 30. Định mức phân bổ chi sự nghiệp kinh tế

1. Phân bổ chi sự nghiệp kinh tế theo tỷ lệ phần trăm trên tổng chi thường xuyên, với mức 5,5% tổng chi từ Điều 19 đến Điều 29 của Quy định kèm theo Nghị quyết này, không bao gồm các khoản thực hiện các chính sách an sinh xã hội.

2. Điều chỉnh theo dân số:

Các xã có trên 40.000 người dân, bổ sung thêm 2.000 triệu đồng/năm, nhằm bù chi phí duy tu hạ tầng, chi công ích, chỉnh trang đô thị, bảo dưỡng giao thông nông thôn.

3. Hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập cung ứng các dịch vụ sự nghiệp đa ngành, đa lĩnh vực ở cấp xã:

Định mức phân bổ hoạt động thường xuyên như đối với định mức phân bổ chi quản lý hành chính cấp xã; ngân sách nhà nước sẽ giảm dần mức chi hỗ trợ kinh phí đối với các đơn vị sự nghiệp công theo quyết định giao quyền tự chủ về tài chính của giai đoạn được cấp có thẩm quyền quyết định.

4. Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

Phân bổ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; kiến thiết thị chính; phòng cháy chữa cháy rừng; quản lý, bảo vệ rừng; duy tu, sửa chữa, quản lý đô thị, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống cấp nước, thoát nước, chăm sóc cây xanh; kinh phí lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm; kinh phí quy hoạch; kinh phí bảo trì, sửa chữa các công trình giao thông theo khả năng cân đối ngân sách (trong đó ưu tiên phân bổ đủ kinh phí điện chiếu sáng cho các xã, phường có địa bàn thuộc khu vực trung tâm của các huyện, thành phố trước khi sáp nhập).

Điều 31. Định mức phân bổ chi sự nghiệp môi trường

1. Phân bổ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường theo tỷ lệ phần trăm trên tổng chi thường xuyên, với mức 1% tổng chi từ Điều 19 đến Điều 30 của Quy định kèm theo Nghị quyết này, không bao gồm các khoản thực hiện các chính sách an sinh xã hội.

Định mức phân bổ nêu trên đã bao gồm các khoản chi cho hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải, vệ sinh môi trường các xã, phường, đặc khu.

2. Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

a) Hỗ trợ thêm kinh phí thu gom, vận chuyển rác thải, vệ sinh môi trường cho các xã, phường, đặc khu theo khả năng cân đối ngân sách.

b) Bổ sung kinh phí cho các địa phương có thu phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản: Được hỗ trợ với mức tương ứng 10% số thu phí bảo vệ môi trường phát sinh trên địa bàn của năm trước liền kề năm kế hoạch.

Điều 32. Chi thường xuyên khác

Chi khác ngân sách (bao gồm kinh phí thi đua - khen thưởng) được tính bằng 1,5% tổng các lĩnh vực chi thường xuyên được phân bổ theo định mức từ Điều 19 đến Điều 31 của Quy định kèm theo Nghị quyết này. Định mức này không bao gồm các khoản chi đặc thù, đột xuất được phân bổ theo từng nội dung công việc cụ thể.

Điều 33. Dự phòng ngân sách

Căn cứ dự toán Bộ Tài chính giao và khả năng cân đối của ngân sách địa phương, Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ dự phòng ngân sách cho các xã, phường, đặc khu từ 2% đến 5%, đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Trên cơ sở dự toán chi cân đối ngân sách địa phương, các xã, phường, đặc khu chủ động bố trí dự phòng ngân sách địa phương đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và không thấp hơn dự toán tỉnh giao./.
